* 1. **Năng lực chủ thể của người yếu thế trong pháp luật dân sự**

Theo điều 16 BLDS 2015 quy định về năng lực pháp luật dân sự của cá nhân như sau:

“ Điều 16. Năng luật pháp luật dân sự của cá nhân

1. Năng luật pháp luật dân sự của cá nhân lả khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự.
2. Mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau.
3. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết."[1]

Cá nhân là chủ thể đầu tiên của các quan hệ xã hội, là “tổng hoà các mối quan hệ xã hội”. Cá nhân - con người là trung tâm của các chính sách kinh tế, xã hội mà Đảng và Nhà nước ta đã và đang thực hiện với mục đích phục vụ con người, vì con người. Trong các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân mà luật dân sự điều chỉnh thì cá nhân là chủ thể nguyên sinh, đầu tiên và các chủ thể khác tham gia vào các quan hệ dân sự cũng thông qua hành vi của con người. Để tham gia vào quan hệ xã hội nói chung và quan hệ dân sự nói riêng, cá nhân phải có tư cách chủ thể để tham gia vào các quan hệ dân sự. Đây là năng lực chủ thể được tạo thành bởi năng lực pháp luật và năng lực hành vi.[2]

Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng, là tiền đề, điều kiện cần thiết để công dân có quyền, có nghĩa vụ; là thành phần không thể thiếu được của cá nhân với tư cách chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, là một mặt của năng lực chủ thể.

1. Người chưa thành niên  
   Theo điều 21 BLDS 2015 quy định:

“Điều 21. Người chưa thành niên

1. Người chưa thành niên là người chưa đủ mười tám tuổi.
2. Giao dịch dân sự của người chưa đủ 6 tuổi do người đại diện theo pháp luật của người đó xác lập, thực hiện
3. Người từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, trừ giao dịch dân sự phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi.
4. Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.[1]

Trên cơ sở khoa học thì ở độ tuổi này người chưa thành niên chưa phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần của con người và được cụ thể hoá bằng giới hạn độ tuổi trong các văn bản pháp luật

     Như vậy, có thể thấy người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi; chưa phát triển hoàn thiện về thể chất và tinh thần; chưa có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý như người đã thành niên.

Năng lực chủ thể của người chưa thành niên bao gồm năng luật pháp luật và năng luật hành vi dân sự. Năng luật pháp luật có từ khi người đó được sinh ra, còn năng lực hành vi dân sự có khi người đó đủ 6 tuổi trở lên. Người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi, mặc dù có năng lực hành vi dân sự nhưng năng lực này chưa đầy đủ.Do đó, cần có người đại diện cho những cá nhân ở lứa tuổi này.

Xác định người đã hay chưa thành niên là điểu quan trọng khí tham gia giao dịch dân sự, đối một số trường hợp giao dịch sẽ bị vô hiệu hóa nếu giao kết với người chưa thành niên, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia. Không những vậy, một số vấn đề khác như xử phạt hành chính, trách nhiệm hình sự,… đều phải xem xét lại các yếu tố và một trong những yếu tố quan trọng mang tính quyết định là xác định xem chủ thể bị xử lý là người đã thành niên hay chưa thành niên.

1. Người mất năng lực hành vi dân sự

Theo điều 22 BLDS 2015 quy định:

“ Điều 22. Mất năng lực hành vi dân sự

1. Khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần.

Khi không còn căn cứ tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của chính người đó hoặc của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự.

1. Giao dịch dân sự của người mất năng lực hành vi dân sự phải do người đại diện theo pháp luật xác lập, thực hiện.[1]

Mất năng lực hành vi dân sự là trường hợp khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần.

Một người chỉ có thể bị coi là mất năng lực hành vi dân sự khi có quyết định của Tòa án tuyên bố người này mất năng lực hành vi dân sự. Một người nếu bị bệnh tâm thần, hoặc các bệnh khác nhưng Tòa không có quyết định tuyên bố người này mất năng lực hành vi dân sự thì không thể xác định người này là người mất năng lực hành vi dân sự.

Tòa án phải căn cứ vào kết luận giám định pháp y tâm thần để ra quyết định tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự. Điều này nhằm mục đích đảm bảo tính đúng đắn của các quyết định. Việc tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của chính người đó và cả những người có quyền, lợi ích liên quan nên nếu ra quyết định sai có thể dẫn đến quyền của người khác bị xâm phạm.

Theo Khoản 1 Điều 22 quy định rõ về trường hợp Mất năng lực hành vi dân sự như sau: “khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần”.  Như vậy, để xác định người mất năng lực hành vi dân sự thì người đó phải là người có dấu hiệu về bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không nhận thức được hành vi của mình, còn đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự là những người sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích khác dẫn đến không kiểm soát được hành vi của mình. Nhưng đối với người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì xác định rất khó vì người đó là người không nhận thức và làm chủ hành vi của mình nhưng lại không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự, quy định không cụ thể như vậy rất khó có thể phân biệt những trường hợp nào là trường hợp mất năng lực hành vi dân sự và người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, căn cứ để xác định đối với cả hai trường hợp trên là dựa vào kết luận giám định pháp y về tâm thần.

1. Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

Theo điều 23 BLDS 2015 quy định:

“Điều 23. Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

1. Người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của người này, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.
2. Khi không còn căn cứ tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì theo yêu cầu của chính người đó hoặc của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. [1]

Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người từ đủ 18 tuổi trở lên, do tình trạng thể chất và tinh thần mà không đủ khăn năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự. Tình trạng thể chất hoặc tinh thần dẫn đến không đủ khă năng nhận thức, làm chủ hành vi có thể là trường hợp cá nhân bất chợt bị tâm thần nhưng chưa đến mức không thể nhận thức, làm chủ hành vi của mình.

Để xác định một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì phải có đủ các điều kiện:

* Về khả năng nhận thức và điều kiển hành vi: người thành niên trong tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự;
* Có yêu cầu của người này, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan;
* Có kết luận giám định pháp y tâm thần;
* Có quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Theo Khoản 1 Điều 23 quy định về Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi như sau: “Người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của người này, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở giám định pháp y tâm thần, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ”..  Như vậy, quy định trong trường hợp nào được hiểu là do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì điều luật chưa quy định rõ ràng, dẫn đến gây nhầm lẫn trong quá trình áp dụng.[3]

1. Người hạn chế năng lực hành vi dân sự

Theo điều 24 BLDS 2015 quy định:

“Điều 24. Hạn chế năng lực hành vi dân sự

1. Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Tòa án quyết định người đại diện theo pháp luật của người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và phạm vi đại diện.

1. Việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày hoặc luật liên quan có quy định khác.
2. Khi không còn căn cứ tuyên bố một người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của chính người đó hoặc của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự.[1]

Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự là người thành niên có năng lực hành vi dân sự, tuy nhiên do họ bị nghiện ma túy hoặc các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình nên họ có thể bị yêu cầu tuyên bố là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Yêu cầu tuyên bố một người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự chỉ được thực hiện bởi người có quyền, lợi ích liên quan, cơ quan, tổ chức hữu quan có mối quan hệ với người đó. Tòa án cũng là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ra quyết định tuyên bố một người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự

Theo Điều 24 BLDS năm 2015, tác nhân gây nghiện là ma túy, chất kích thích khác, tức là hóa chất. Tuy nhiên, tác giả nhận thấy thực tiễn cá nhân có thể bị những tác nhân khác gây “nghiện”. Theo Nguyễn Khắc Dũng – bác sĩ Bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương: “Nghiện là sự lệ thuộc, thèm muốn 1 tác nhân (1 chất,1 thứ gì đó) mà khi giảm hoặc ngừng có thể dẫn đến các triệu chứng đặc thù về cơ thể, sinh lý và tâm thần”. Theo đó, ngoài nghiện ma túy, chất kích thích khác, cá nhân còn có thể bị tác nhân phi vật chất gây ra tình trạng nghiện – còn gọi là “nghiện hành vi”. Ví dụ: nghiện cờ bạc, nghiện game, nghiện tình dục… Một mặt, để thỏa mãn ham muốn, người “nghiện” hoang phí tài sản – đặc biệt là nghiện cờ bạc, nghiện game. Mặt khác, các rối loạn nghiện cờ bạc thường kết hợp với rối loạn nhân cách như rối loạn sự thích ứng, rối loạn phân ly, tự yêu, trạng thái phụ thuộc hoặc nhân cách bệnh chống xã hội (Nguyễn Khắc Dũng, 2016). Dĩ nhiên, hậu quả vẫn chưa đến mức không có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi đủ để yêu cầu tuyên bố người nghiện này mất năng lực hành vi dân sự theo Điều 22 BLDS năm 2015. Một ý kiến khác, theo Bùi Quang Huy, Chủ nhiệm Khoa Tâm thần, Bệnh viện 103 thì: “Với người nghiện cờ bạc, đa số bệnh nhân và người nhà chỉ cho đó là hư hỏng. 100% bệnh nhân không chịu thừa nhận mình mắc bệnh, nên công tác chữa trị chỉ được thực hiện khi bệnh nhân gây ra nhiều hậu quả lớn về kinh tế, tinh thần...”. Bên cạnh các trò cờ bạc, trên thực tế, cá độ online ngày càng phổ biến và nguy hiểm ở chỗ những hình ảnh, âm nhạc, con số người đặt gây ra kích thích trung khu gây hưng phấn cờ bạc. Khi đó mọi hưng phấn về công việc, âm nhạc, chơi thể thao… sẽ suy giảm, nhường chỗ cho hưng phấn cờ bạc, kích thích con

nghiện càng đánh to hơn nữa. Đây là một dạng bệnh lý tâm thần khiến người bệnh đam mê, hưng phấn với cờ bạc. Nguyên nhân xuất phát từ việc thiếu hụt chất serotonin trong não từ 50-70% so với người bình thường. Bệnh lý này có tính di truyền và sẽ bùng phát nếu được đặt vào môi trường cờ bạc, tìm cách gỡ gạc khi thua lỗ.[4]

Tài liệu tham khảo

[1] “Bộ luật dân sự 2015 số 91/2015/QH13.” https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx

[2] “Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là gì ? Đặc điểm, nội dung của năng lực pháp luật dân sự.” https://luatminhkhue.vn/nang-luc-phap-luat-dan-su-cua-ca-nhan-la-gi---dac-diem--noi-dung-cua-nang-luc-phap-luat-dan-su.aspx

[3] “Khó khăn, vướng mắc khi áp dụng Điều 23, 24 Bộ luật Dân sự năm 2015 - Kiểm Sát Online.” https://kiemsat.vn/kho-khan-vuong-mac-khi-ap-dung-dieu-23-24-bo-luat-dan-su-nam-2015-46982.html

[4] T. Thị and N. Bích, “QUY ĐỊNH VỀ HẠN CHẾ NĂNG LỰC HÀNH VI DÂN SỰ TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015,” 2017, doi: 10.22144/jvn.2017.624.